

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ MỨC ĐỘ TỰ CHỦ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO QUA KẾT QUẢ KHẢO SÁT

NGUYỄN KIM DUNG*

TÓM TẮT

Bài viết tập trung vào việc giới thiệu kết quả khảo sát của một đề tài nhánh do Viện Nghiên cứu Giáo dục thực hiện. Đề tài này thuộc chương trình nghiên cứu độc lập cấp Nhà nước “Phát triển Giáo dục Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và trước yêu cầu hội nhập quốc tế” của Hội đồng Quốc gia Giáo dục. Bài viết chủ yếu giới thiệu về một số quan điểm và lý luận về quản lý nhà nước và tự chủ trong giáo dục, các kết quả khảo sát và một số kiến nghị cho các nhà làm chính sách cũng như các cơ sở GD-ĐT.

Từ khóa: tự chủ, đại học, chính sách, nhà nước, quản lý.

ABSTRACT

Surveying the state administration and self-governed levels of educational institutes

The paper focuses on introducing the findings of a survey from a project conducted by the Institute for Educational Research. This is a sub-project of an independent national project “Developing Vietnam Education System in the Context of Market Oriented Economy and with the Requirements of International Globalization” by National Education Committee. The paper mainly introduces several perspectives and opinions on government management and autonomy in education, the findings of the survey and some recommendation for policy makers at the national level as well as educational and training institutions.

Keywords: autonomy, higher education, policy, government, management.

1. Vai trò của quản lý nhà nước và vấn đề tự chủ trong giáo dục

1.1. Vai trò của quản lý nhà nước trong giáo dục

Trước đây, cùng với việc mở rộng quy mô đào tạo trong nhiều hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) ở các nước, các trường đại học (ĐH) cũng đồng thời nhận được sự hỗ trợ về tài chính của Nhà nước/Chính phủ. Tuy nhiên, theo thời gian, khuynh hướng này ngày càng thay đổi.

Nhà nước ở nhiều quốc gia trên thế giới không còn là nơi duy nhất cung cấp tài chính cho các cơ sở GD-ĐT (GD-ĐT) và các trường ĐH không còn là nơi duy nhất cung cấp GDĐH (UNESCO, 2010). Ngày nay, có nhiều dạng cơ sở và hình thức GD-ĐT, tuy nhiên, đối với các trường ĐH-CĐ công lập, nhà nước vẫn là cơ quan quản lý chính do kinh phí từ ngân sách vẫn là nguồn thu chính của phần lớn các trường. Tuy nhiên, hiện nay, có rất nhiều ý kiến cho rằng mô hình các trường ĐH công lập dưới sự quản lý trực tiếp của

* TS, GVC, Phó Viện trưởng
Viện Nghiên cứu Giáo dục Trường ĐHSP TPHCM

Nhà nước ngày càng có nhiều bất cập, cần được xem xét, bổ sung cho phù hợp.

Theo UNESCO (2010), nhu cầu cải tổ với tên gọi là mô hình “quản lý nhà nước mới” bắt đầu thu hút sự chú ý của nhiều hệ thống GDDH. Với sự phát triển của xu hướng vận dụng yếu tố thị trường trong GDDH và sự cắt giảm ngày càng nhiều ngân sách nhà nước dành cho GDDH, các trường ĐH đang tìm các nguồn kinh phí khác bên ngoài ngân sách. Theo mô hình này, chất lượng GD-ĐT được cải tiến với các cơ chế quản lý hiệu quả hơn, mức độ minh bạch trong việc sử dụng nguồn lực và tính trách nhiệm xã hội với cộng đồng cũng như với những người hưởng lợi từ GDDH cũng cao hơn. Theo cơ chế này, tính sở hữu và tính trách nhiệm thông qua sự tham gia vào việc hoạch định sự phát triển và sứ mạng của nhà trường ngày càng thu hút được nhiều chú ý của cộng đồng các trường ĐH. Cũng với cơ chế này, vấn đề quản trị nhà nước vượt ra khỏi ranh giới của việc đảm bảo công tác quản lý khu vực công không những trở nên tốt hơn mà còn là vấn đề tăng cường sự tham gia của những người hưởng lợi khác nhau ở các cấp độ khác nhau.

1.2. Tính tự chủ của các cơ sở GD-ĐT

Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và tính tự chủ của các trường ĐH ngày càng được chú trọng, trong đó vấn đề tập trung quyền lực và vấn đề phân quyền có liên quan đến các vấn đề như tính trách nhiệm trong hệ thống ĐT giáo viên (GV), kiểm soát ngân sách, thiết kế chương trình ở các cấp độ khác nhau như quốc gia, địa

phương, vùng miền hay ở mức độ nhà trường. Bên cạnh đó, việc quản lý các phương thức đào tạo theo hướng phát triển nhận thức và đào tạo kỹ năng cũng cần được thảo luận ở tất cả các cấp, khi chính phủ các nước mong muốn kiểm soát chất lượng đào tạo ở các trường ĐH nhằm hướng các mục đích GD-ĐT vào việc phục vụ nguồn nhân lực quốc gia, trong khi các trường ĐH lại có khuynh hướng tập trung vào sứ mạng và mục tiêu cụ thể của mình, cân đối các nguồn thu/chi trong ngân sách (do kinh phí từ nhà nước ngày càng giảm). Khuynh hướng này tạo tiền đề cho các mong muốn về tính tự chủ, trong đó có tự chủ về tài chính, chương trình và quản lý.

Tính tự chủ của các trường ĐH công lập và sự tăng trưởng nhanh chóng về số lượng các trường ĐH ngoài công lập làm thay đổi bức tranh tổng thể về mối quan hệ quản trị và quản lý nhà nước của Chính phủ với các trường ĐH. Các điều kiện về dịch vụ cung cấp chất lượng và vấn đề chất lượng đầu ra khiến cho các trường ĐH cũng ngày càng trở nên khác nhau. Sự đa dạng về các loại hình trường, chương trình ĐT làm cho vấn đề quản lý nhà nước trở nên phức tạp hơn và đòi hỏi sự thay đổi về cơ chế nếu không muốn trở thành lực cản đối với sự phát triển của hệ thống. Nói tóm lại, khuynh hướng phát triển của hệ thống giáo dục hiện nay đòi hỏi sự tái cấu trúc về cơ chế quản lý ở tất cả các cấp độ: nhà nước và các trường ĐH, cũng như cấp độ khoa/bộ môn trong vấn đề quản lý mục tiêu nhiệm vụ, nhân sự, tài chính và chương trình.

Với những vấn đề nêu trên, đề tài nhánh của đề tài độc lập cấp nhà nước “Phát triển giáo dục Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và trước yêu cầu hội nhập quốc tế” tập trung vào mục tiêu khảo sát thực trạng chất lượng và nhận thức của các đối tượng có liên quan đến hệ thống giáo dục Việt Nam. Đề tài đặt ra nhiệm vụ chính là nghiên cứu và đánh giá về: (i) Mức độ đáp ứng của GD-ĐT đối với nhu cầu xã hội; (ii) Khảo sát thực trạng quan hệ, hợp tác, hỗ trợ, phối kết hợp giữa GD-ĐT và các tổ chức cộng đồng; (iii) Tự chủ của các cơ sở GD-ĐT; (iv) Quan niệm về thị trường giáo dục; (v) Tác động của kinh tế thị trường (KTTT) lên GD-ĐT; (vi) Mong muốn về chất lượng giáo dục; và (vii) Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Giới thiệu đề tài nghiên cứu

Như đã đề cập, đề tài này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài chính “Phát triển giáo dục Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và trước yêu cầu hội nhập quốc tế” của Hội đồng Quốc gia Giáo dục. Bài viết này chỉ tập trung vào việc báo cáo kết quả mục tiêu số 2 và số 3 của đề tài là khảo sát thực trạng quan hệ, hợp tác, hỗ trợ, phối kết hợp giữa các cơ sở

GD-ĐT và các tổ chức cộng đồng và mức độ tự chủ của các cơ sở GD-ĐT.

Với các mục tiêu được giới thiệu như trên, các đối tượng tham gia khảo sát là toàn bộ các đối tượng đại diện cho những người trực tiếp tham gia vào GD-ĐT và những người hưởng lợi từ GD-ĐT, trong đó có những người sử dụng sản phẩm GD-ĐT. Có tất cả 11 tỉnh thành tham gia với 112 đơn vị trường và cơ quan/công ty. Tỷ lệ phân chia theo các đối tượng khảo sát của từng địa phương tuy không đồng đều nhưng vẫn bảo đảm tính khoa học và độ tin cậy của thông tin phản hồi.

Đề tài đã tiến hành phát ra tất cả là 6 600 phiếu và thu về là 4 473 phiếu, với tỉ lệ phản hồi là 68%. Tỷ lệ này là tương đối cao so với yêu cầu của việc khảo sát trong lĩnh vực giáo dục. Trong tổng số các phiếu thu được, sau khi trừ đi các đối tượng là cán bộ quản lý (CBQL), GV, học sinh và phụ huynh phổ thông (PT), các đối tượng có liên quan đến GDDH còn lại là 2 121, chiếm hơn 47% toàn bộ mẫu nghiên cứu. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung vào đối tượng tham gia GD-ĐT bậc ĐH (xem bảng 1).

Bảng 1. Tần số và tỉ lệ phần trăm các đối tượng được khảo sát (N=4 473)

Đối tượng tham gia khảo sát	Tần số	Tỉ lệ phần trăm
Nhà tuyển dụng	107	2,4
Cán bộ quản lý giáo dục đại học (CBQL GD ĐH)	126	2,8
Giảng viên ĐH (GV ĐH)	286	6,4
Phụ huynh ĐH (PH ĐH)	189	4,2
Sinh viên ĐH (SV)	972	21,8
Học sinh phổ thông (HSPT)	1 429	32,0

Phụ huynh HS (PHHS)	285	6,4
Giáo viên PT	394	8,8
CBQL GD PT	244	5,4
Cựu SV	331	7,4
Nhà nghiên cứu GD (NCGD)	110	2,4
Tổng	4 473	100,0

3. Kết quả khảo sát

Phần này sẽ trình bày kết quả theo mục tiêu của khảo sát nhằm tìm hiểu thái độ, đánh giá và quan điểm, ý kiến của các đối tượng có liên quan xoay quanh trọng tâm của đề tài mức độ tự chủ của các cơ sở GD-ĐT, cụ thể: thực trạng quan hệ, hợp tác, hỗ trợ, phối kết hợp giữa GD-ĐT và các tổ chức cộng đồng; mức độ tự chủ của các cơ sở GD-ĐT.

3.1. Thực trạng quan hệ hợp tác, hỗ trợ, phối kết hợp giữa các cơ sở GD-ĐT và các tổ chức cộng đồng

Qua kết quả khảo sát dưới đây, có

thể thấy các nhà tuyển dụng cho rằng chưa có mối quan hệ gắn kết với các cơ sở GD-ĐT, đặc biệt là trong các lĩnh vực sau: (i) Đặt hàng cho các cơ sở GD-ĐT; (ii) Hỗ trợ giáo dục (kinh phí, công nghệ, sản phẩm, cơ sở vật chất...); (iii) Phản hồi chất lượng về người được tuyển dụng; (iv) Tham gia quá trình đào tạo (giảng dạy, thực tập...),... Các hoạt động như: Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, thông báo tuyển dụng và liên kết đào tạo cũng chưa được thực hiện thường xuyên (xem bảng 2).

Bảng 2. Mối quan hệ giữa nhà trường và nhà tuyển dụng

Đơn vị mà Ông/ Bà đang công tác thường xuyên thực hiện các hoạt động dưới đây với/cho các cơ sở giáo dục	Từ thường xuyên đến rất thường xuyên	Bình thường	Ít hoặc không bao giờ
1) Liên kết đào tạo	37,3	28,0	34,6
2) Thông báo tuyển dụng	31,7	36,5	31,7
3) Đặt hàng cho các cơ sở GD-ĐT	18,1	31,4	50,5
4) Tham gia xây dựng chương trình đào tạo	30,8	22,4	46,7
5) Phản hồi chất lượng về người được tuyển dụng	27,0	35,8	47,2
6) Tham gia quá trình đào tạo (giảng dạy, thực tập...)	29,5	25,7	44,8
7) Hỗ trợ giáo dục (kinh phí, công nghệ, sản phẩm, cơ sở vật chất...)	26,2	20,0	44,9

Điều này cho thấy hệ thống GD-ĐT Việt Nam vẫn còn chưa chú trọng nhiều đến việc lấy ý kiến xã hội, nhà tuyển dụng cũng như thị trường lao động nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, cũng như chưa có sự gắn kết giữa đào tạo và thị trường lao động. Thực tế cho thấy, tuy các trường ý thức và có những thay đổi phù hợp hơn trong nền kinh tế thị trường với việc mở rộng quy mô đào tạo về mọi mặt, nhưng công tác quan hệ, hợp tác hỗ

trợ và phối kết hợp của nhà trường với xã hội, một trong những yếu tố cần thiết trong nền kinh tế thị trường, là chưa thực sự mạnh. Các ý kiến khảo sát các nhà tuyển dụng và quản lí các trường cho thấy việc hợp tác, phối kết hợp chưa mang tính thực tiễn và ứng dụng cao.

Kết quả về thực trạng hợp tác, hỗ trợ giữa các cơ sở GD-ĐT và các tổ chức cộng đồng thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng quan hệ hợp tác, hỗ trợ, và phối kết hợp với các tổ chức cộng đồng (theo tỉ lệ)

Đơn vị mà Ông/ Bà đang công tác thường xuyên thực hiện các hoạt động sau đây với các tổ chức cộng đồng trong:	Phụ huynh	Cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhà nước	Doanh nghiệp	Các trường khác
1) Đào tạo đội ngũ	9,9	57,1	5,9	26,7
2) Nhận sự hỗ trợ bằng cách mời chuyên gia đến trường	8,5	47,9	17,5	25,6
3) Mời tham gia các hoạt động của trường	27,4	34,3	17,3	20,2
4) Hợp tác nghiên cứu khoa học/chuyên gia công nghệ	11,8	61,2	13,1	13,5
5) Tổ chức đối thoại, phản biện về công tác GD-ĐT	34,4	36,1	11,1	18,0

Về quan hệ hợp tác giữa nhà trường với xã hội, bảng 3 cho thấy, nhà trường có mối quan hệ nhiều hơn với các cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhà nước, xếp thứ hai là giữa các trường với nhau. Quan hệ giữa nhà trường với phụ huynh, người hưởng lợi với “khách hàng” trực tiếp, và doanh nghiệp, nơi sử dụng nhân lực là chưa nhiều. Có thể rút ra kết luận từ kết quả này: yếu tố quản lí nhà nước và quan hệ nhà nước với các cơ sở GD-ĐT tại Việt Nam là còn khá cao, trong khi mối quan hệ xã hội và yêu cầu đáp ứng nhu

cầu lao động còn chưa được chú ý nhằm xây dựng nguồn nhân lực đào tạo thiết thực hơn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế.

3.2. Mức độ tự chủ của các cơ sở GD-ĐT hiện nay

Một trong những vấn đề thu hút dư luận xã hội trong thời gian gần đây là vấn đề tự trị/tự chủ của các cơ sở GD-ĐT, đặc biệt là các trường ĐH, CĐ. Các đối tượng khảo sát đã đánh giá mức độ tự chủ của các cơ sở GD-ĐT này (xem bảng 4).

Bảng 4. Đánh giá về mức độ tự chủ của cơ sở GD-ĐT

Trường Ông/Bà có mức độ tự chủ	Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp	Rất thấp
1) Tự định mức thu học phí	5,6	23,4	46,5	14,6	10,0
2) Tự xây dựng cơ sở vật chất	5,8	30,6	40,6	18,7	4,3
3) Tự xác định quy mô đào tạo	6,5	36,7	39,6	12,9	4,2
4) Tự xác định nguồn tuyển sinh	7,0	38,6	35,1	15,1	4,2
5) Trả thù lao giảng viên theo thỏa thuận	4,4	22,4	47,9	17,2	8,1
6) Có quyền quyết định chi tiêu tài chính	5,8	33,9	42,9	13,0	4,4
7) Có quyền quyết định thuê mượn giáo viên	6,4	36,9	36,7	13,1	6,8
8) Có quyền quyết định chương trình đào tạo	4,1	30,7	37,4	17,1	10,7
9) Có quyền quyết định trong hợp tác quốc tế	7,3	33,0	32,5	16,0	11,3

Quyền tự chủ của các cơ sở GD-ĐT, mà cụ thể là các trường ĐH, trong các hoạt động có liên quan đến tài chính, quy mô đào tạo, cơ sở vật chất, tuyển sinh đầu vào, chương trình đào tạo, nhân sự... còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi trong giáo dục. Các ý kiến phản hồi của những người tham gia khảo sát (CBQL và GV, nhà nghiên cứu) cho thấy các trường ĐH Việt Nam còn chưa có nhiều quyền tự chủ, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính, trong đó có quyền chi trả cho GV theo thỏa thuận, cơ sở vật chất, học phí, chi tiêu tài chính. Chương trình đào tạo cũng là lĩnh vực mà các trường chưa có quyền tự chủ cao.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Các nhà tuyển dụng cho rằng vẫn chưa có mối quan hệ gắn kết với các cơ

sở GD-ĐT, đặc biệt là trong các lĩnh vực sau: Đặt hàng cho các cơ sở GD-ĐT; hỗ trợ giáo dục (kinh phí, công nghệ, sản phẩm, cơ sở vật chất...); phản hồi chất lượng về người được tuyển dụng; tham gia quá trình đào tạo (giảng dạy, thực tập...). Các hoạt động như: Tham gia xây dựng chương trình đào tạo với nhà trường, thông báo tuyển dụng và liên kết đào tạo với nhà trường cũng chưa được thực hiện thường xuyên.

Kết quả khảo sát cho thấy hệ thống GD-ĐT Việt Nam vẫn còn chưa chú trọng lắm đến việc lấy ý kiến xã hội, nhà tuyển dụng cũng như thị trường lao động nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, cũng như chưa có sự gắn kết giữa đào tạo và thị trường lao động. Thực tế cho thấy công tác quan hệ, hợp tác hỗ trợ và phối kết hợp của nhà trường với xã hội, một

trong những yếu tố cần thiết trong nền kinh tế thị trường, là chưa thực sự mạnh. Các ý kiến khảo sát các nhà tuyển dụng và quản lý các trường cho thấy việc hợp tác, phối kết hợp chủ yếu ở mức hình thức, chưa mang tính thực tiễn và ứng dụng cao. Kết quả khảo sát cũng cho thấy nhà trường Việt Nam có mối quan hệ nhiều hơn với các cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhà nước cũng như giữa các trường với nhau. Quan hệ giữa nhà trường với phụ huynh, người hưởng lợi và “khách hàng” trực tiếp, và doanh nghiệp, nơi sử dụng nhân lực, là chưa nhiều. ***Yếu tố quản lý nhà nước và quan hệ nhà nước với các cơ sở GD-ĐT tại Việt Nam còn khá cao, trong khi mối quan hệ xã hội và yêu cầu đáp ứng nhu cầu lao động còn chưa được chú ý*** nhằm xây dựng nguồn nhân lực đào tạo thiết thực hơn và đáp ứng tốt nhu cầu thực tế hơn. Điều này cho thấy hệ thống GDĐT Việt Nam vẫn còn mang nặng tính sở hữu và quản lý nhà nước, trong đó, sự can thiệp của Nhà nước vẫn còn sâu và rộng ở nhiều mặt. Với cơ chế hiện nay, vấn đề quản trị nhà nước của hệ thống GDĐT Việt Nam vẫn chưa vượt ra được ranh giới của việc đảm bảo công tác quản lý khu vực công, và do đó chưa tăng cường sự tham gia của những người hưởng lợi khác nhau ở các cấp độ khác nhau.

Các ý kiến phản hồi của những người tham gia khảo sát (CBQL và GV, nhà NCGD) cho thấy ***các trường ĐH Việt Nam còn chưa có nhiều quyền tự chủ, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính, trong đó có quyền chi trả cho GV theo***

thỏa thuận, cơ sở vật chất, học phí, chi tiêu tài chính. Chương trình đào tạo cũng là lĩnh vực mà các trường chưa có quyền tự chủ cao. Vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng các điều kiện về dịch vụ cung cấp chất lượng và vấn đề chất lượng đầu ra khiến cho các trường ĐH ngày càng trở nên khác nhau cũng như sự đa dạng về các loại hình trường, chương trình đào tạo thay đổi nhưng ***quản lý nhà nước của chúng ta vẫn chưa thay đổi nhiều.***

4.2. Các khuyến nghị

Từ các kết quả trên, chúng tôi có các khuyến nghị sau đây:

Các trường cần xây dựng và phát triển các quan hệ hợp tác với xã hội nhiều hơn nữa để việc đào tạo nguồn nhân lực trong nhà trường trở nên thiết thực hơn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế. Để thực hiện các thay đổi trên, cần có sự hợp tác chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở GD-ĐT, và các nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/cơ quan sử dụng lao động/người tốt nghiệp...

Các cơ quan quản lý nhà nước cần có các chủ trương, chính sách nhằm phát huy các mặt tích cực và hạn chế các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường trong GD. Cụ thể là: (i) Khuyến khích các trường đào tạo theo nhu cầu của xã hội, của người học; (ii) Khuyến khích các trường xây dựng và tìm kiếm thương hiệu; (iii) Tăng tính năng động của các trường; (iv) Tạo sự cạnh tranh trong GD-ĐT; (v) Tăng cơ hội lựa chọn cho người học; (vi) Nâng cao hiệu quả, chất lượng GD-ĐT (do gắn với nhu cầu xã hội).

Giai đoạn hiện nay cho thấy bên cạnh việc nhà nước tiếp tục tăng cường đầu tư cho GD, các giải pháp khác cũng cần được chú ý như: (i) Các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư phát triển GD-ĐT; (ii) Phải có cạnh tranh trong GD; (iii) Các trường cần phải được tự chủ nhiều hơn; (iv) Nhà nước quản lý chặt chẽ chất lượng GD; (v) Kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện ở các bậc học.

Nhìn chung, có thể thấy rõ là sự hội nhập của các hệ thống giáo dục ở các nước là xu thế tất yếu của thời đại hiện nay. Ở Việt Nam, còn nhiều vấn đề cần được giải quyết về chất lượng GD-ĐT, về mức độ tự chủ của các trường, về hợp

tác, nối kết giữa nhà trường với xã hội cũng như các tác động của nền kinh tế thị trường lên giáo dục. Kết quả khảo sát cũng cho thấy rằng việc tìm một hướng đi mới cho các cơ sở GD-ĐT trong bối cảnh hội nhập là một bài toán không dễ cho các nhà quản lý và những người làm chính sách. Các kết quả nghiên cứu giúp cho các nhà làm chính sách đưa ra các quyết định đúng đắn về vấn đề tăng tính hiệu quả của quản lý nhà nước, tăng tính tự chủ của các cơ sở GD-ĐT, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Đề tài hy vọng rằng các kết quả này sẽ được nghiên cứu để đưa ra các quyết định đúng, và là nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo với quy mô rộng lớn và toàn diện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

UNESCO (2010), *Governance and management*, ngày 05-10-2010,
<http://www.iiep.unesco.org/research/governance-and-management.html>.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-12-2010; ngày chấp nhận đăng: 12-9-2011)